

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT [NGŨ PHÁP TIẾNG TRUNG] Mã học phần: CGR32021– Số tín chỉ: 02

Dùng cho ngành: Ngôn ngữ Anh

Chuyên ngành: Anh-Trung

Điều kiện tiên quyết: Tổng hợp tiếng Trung 2

Hình thức đào tạo: Trực tiếp/trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại Ngữ

## 1. Thông tin chung về học phần

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, kỹ năng, tác phong nghề nghiệp, có sức khỏe tốt và khả năng thích ứng cao để làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động và nhu cầu hội nhập quốc tế của đất nước.

Học phần góp phần đạt chuẩn đầu ra A2, B1, B3, C3, C4 của CCĐT cử nhân Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh-Trung trường Đại học QL và CN Hải Phòng.

Học phần Tiếng Ngữ pháp Tiếng Trung hiện đại nhằm giúp người học:

- G1: Nắm vững kiến thức ngữ pháp tiếng Hán, có khả năng phân biệt ngữ tố và từ, nói lưu loát và phát âm chuẩn, đọc đúng ngữ âm, ngữ điệu các bài đọc.
- G2: Có kiến thức từ vựng phong phú theo các chủ đề, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc, hiểu ý nghĩa của các câu ngạn ngữ, thành ngữ, danh ngôn tiếng Hán trong học phần.
- G3: Nắm vững và sử dụng chuẩn xác các hiện tượng ngữ pháp được học để vận dụng đặt câu, viết đoạn văn và làm các bài tập có liên quan.
- G4: Vận dụng tốt bốn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết, biết cách đặt câu, nói câu, dựng đoạn để có đoạn văn hoàn chỉnh; kể lại sự việc; có khả năng biểu đạt trong các tình huống giao tiếp khác nhau,...
- G5: Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành.
- G6: Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề.
- G7: Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.

**2. Chữ viết tắt:** G= mục tiêu; a=CĐR kiến thức; b=CĐR kỹ năng; c=CĐR năng lực tự chủ

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

Sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc sau khi học xong học phần Ngữ pháp Tiếng Hán hiện đại phải đạt những tiêu chuẩn sau:

### 3.1. Kiến thức

- a1: Hiểu và vận dụng thành thạo những kiến thức ngữ pháp được học: Câu bị động chữ 被, câu tồn hiện, câu chữ 把, bỏ ngữ xu hướng phức, danh từ lặp lại, trợ từ kết cấu 着 .v..v.. Có kiến thức tiếng Trung Quốc đạt trình độ năng lực Hán ngữ (HSK) cấp 4 theo Khung năng lực tiếng Hán 6 bậc ở cả 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết.
- a2: Vận dụng kiến thức về ngữ pháp được học làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức chuyên ngành;

### 3.2. Kỹ năng

- b1: Sử dụng thành thạo cả bốn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 4
- b2: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp

tác, làm việc nhóm,...

- b3: Biết sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.

- b4: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.

### **3.3. Phẩm chất, thái độ**

- c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.

- c2: Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.

- c3: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.

- c4: Không ngừng học hỏi trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá để bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.

## **4. Tài liệu học tập:**

### *4.1. Giáo trình chính:*

[4.1.1] Nhập môn ngữ pháp Tiếng Hán hiện đại (Tài liệu nội bộ)

### *4.2. Tài liệu tham khảo:*

[4.2.1] 孙德金《汉语语法教程》北京语言文化大学出版社. 2002

[4.2.2] 朱德熙《现代汉语汉语语法教程》北京大学出版社, 2014

[4.2.3] 马真, 《简明实用汉语语法教程》, 北京大学出版社, 2015

[4.2.4] 房玉清《实用汉语语法》, 北京大学出版社, 2001

[4.2.5] 丁声树《现代汉语语法讲话》, 商务印书馆, 2009

[4.2.6] 朱德熙《语法讲义》, 商务印书馆, 2015

**5. Kế hoạch dạy học:**

\* Thời lượng: 45 tiết, 01 Tiết/bài

Thời lượng	Nội dung	PPDH và PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu	Phương pháp KTĐGTX và KTĐG việc tự học của sinh viên	KQ cần đạt
1 tiết	Bài 1.什么是语法	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + GV hướng dẫn lý thuyết về hệ thống ngữ pháp trong tiếng Hán + SV nghe giảng, ghi chép bài.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
1 tiết	Bài 2.语法 单位 1.2.1. 语素 1.2.2. 词 1.2.3. 短语 1.2.4. 句子	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + GV hướng dẫn lý thuyết về đơn vị ngữ pháp trong tiếng Hán + SV nghe giảng, ghi chép bài.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
1 tiết	Bài 3.四级 语法单位 的关系	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + GV hướng dẫn lý thuyết về hệ thống ngữ pháp trong tiếng Hán + SV nghe giảng, ghi chép bài	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
1 tiết	Bài 4.语素 和汉字的	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + GV hướng dẫn lý thuyết về	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử

	关系	quan hệ giữa ngữ tố và chữ Hán + SV nghe giảng, ghi chép bài.	lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao cho sinh viên	dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
tiết	Bài 5.现代汉语语法特点 1.5.1.现代汉语主要的语法特点 1.5.2.汉语的词类和句子成分不存在简单的对应关系 1.5.3.汉语有丰富的量词	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + GV hướng dẫn lý thuyết về đặc điểm ngữ pháp trong tiếng Hán + SV nghe giảng, ghi chép bài.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
1 tiết	第二章: 短语 Bài 6.短语的结构类型	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + GV hướng dẫn lý thuyết về kết cấu đoạn ngữ	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến

		+ SV nghe giảng, ghi chép bài.	thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao	thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
1 tiết	Bài 7. 短语的功能分类	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + GV hướng dẫn lý thuyết về phân loại chức năng đoạn ngữ + SV nghe giảng, ghi chép bài.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
1 tiết	Bài 8. 复杂短语	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + GV hướng dẫn lý thuyết về đoạn ngữ phức + SV nghe giảng, ghi chép bài.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao cho sinh viên	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
1 tiết	Bài 9. 短语结构层次分析	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + GV hướng dẫn lý thuyết bài học + SV nghe giảng, ghi chép bài.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao cho sinh viên	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.

1 tiết	Bài 10. 多 义短语	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + GV hướng dẫn lý thuyết bài + SV nghe giảng, ghi chép bài.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao cho sinh viên	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
1 tiết	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	- Giảng viên ra đề kiểm tra	- Sinh viên làm bài	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
1 tiết	Bài 11. 第三章: 词类 3.1. 名词	Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + Sinh viên thuyết trình về danh từ + SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: +Kiểm tra bài tập của sinh viên	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
1 tiết	Bài 12. 动词	Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + Sinh viên thuyết trình về động từ + SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: +Kiểm tra bài tập của sinh viên	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
1 tiết	Bài 13. 形容词	Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + Sinh viên thuyết trình về hình dung từ + SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: +Kiểm tra bài tập của sinh viên	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.

1 tiết	Bài 14. 数词	Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + Sinh viên thuyết trình về số từ + SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: +Kiểm tra bài tập của sinh viên	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
1 tiết	Bài 15. 量词	Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + Sinh viên thuyết trình về lượng từ + SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: +Kiểm tra bài tập của sinh viên	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
1 tiết	Bài 16. 代词	Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + Sinh viên thuyết trình về đại từ + SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: +Kiểm tra bài tập của sinh viên	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
1 tiết	Bài 17. 副词	Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + Sinh viên thuyết trình về trợ từ + SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: +Kiểm tra bài tập của sinh viên	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
1 tiết	Bài 18. 介词	Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + Sinh viên thuyết trình về giới từ + SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: +Kiểm tra bài tập của sinh viên	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.

1 tiết	Bài 19, 连词	<p>Dạy học theo phương pháp thuyết trình:</p> <p>+ Sinh viên thuyết trình về liên từ</p> <p>+ SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao</p> <p>- Hình thức KTĐG:</p> <p>+Kiểm tra bài tập của sinh viên</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc</p>
1 tiết	Bài 20. 助词	<p>Dạy học theo phương pháp thuyết trình:</p> <p>+ Sinh viên thuyết trình về trợ từ</p> <p>+ SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao</p> <p>- Hình thức KTĐG:</p> <p>+Kiểm tra bài tập của sinh viên</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
1 tiết	Bài 21. 叹词	<p>Dạy học theo phương pháp thuyết trình:</p> <p>+ Sinh viên thuyết trình về thán từ</p> <p>+ SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao</p> <p>- Hình thức KTĐG:</p> <p>+Kiểm tra bài tập của sinh viên</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
1 tiết	Bài 22. 象声词	<p>Dạy học theo phương pháp thuyết trình:</p> <p>+ Sinh viên thuyết trình về từ tượng thanh</p> <p>+ SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao</p> <p>- Hình thức KTĐG:</p> <p>+Kiểm tra bài tập của sinh viên</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>



1 tiết	Bài 23. 第四章： 句子成分 4.1. 主语	Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + Sinh viên thuyết trình về chủ ngữ + SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: +Kiểm tra bài tập của sinh viên	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
1 tiết	Bài 24. 谓语	Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + Sinh viên thuyết trình về vị ngữ + SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: +Kiểm tra bài tập của sinh viên	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
1 tiết	Bài 25. 宾语	Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + Sinh viên thuyết trình về tân ngữ + SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: +Kiểm tra bài tập của sinh viên	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
1 tiết	Bài 26. 定语	Dạy học theo phương pháp thuyết trình: + Sinh viên thuyết trình về định ngữ + SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: +Kiểm tra bài tập của sinh viên	- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.

1 tiết	Bài 27, 状语	<p>Dạy học theo phương pháp thuyết trình:</p> <p>+ Sinh viên thuyết trình về trạng ngữ</p> <p>+ SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao</p> <p>- Hình thức KTĐG:</p> <p>+Kiểm tra bài tập của sinh viên</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
1 tiết	Bài 28. 补语	<p>Dạy học theo phương pháp thuyết trình:</p> <p>+ Sinh viên thuyết trình về bổ ngữ</p> <p>+ SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao</p> <p>- Hình thức KTĐG:</p> <p>+Kiểm tra bài tập của sinh viên</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
1 tiết	<p>Bài 29.</p> <p>第 5 章 :</p> <p>句子</p> <p>5.1. 动</p> <p>词谓语句</p> <p><b>Ôn tập</b></p>	<p>Dạy học theo phương pháp thuyết trình:</p> <p>+ Sinh viên thuyết trình về câu kết cấu động từ</p> <p>+ SV khác nghe giảng, ghi chép bài và trả lời câu hỏi của giáo viên</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao</p> <p>- Hình thức KTĐG:</p> <p>+Kiểm tra bài tập của sinh viên</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức ngữ pháp trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>

## 7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra									
			a1	a2	b1	b2	b3	b4	c1	c2	c3	c4
Quá trình	ĐG1. Trắc nghiệm	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	ĐG2. Trắc nghiệm	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài thi kết thúc học phần	50%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<i>Tổng cộng:</i>		100%										

## 8. Hoạt động đánh giá

**8.1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, b1, b2, c1, c2** Tỷ lệ: 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
- Mô tả bài đánh giá 1: Đánh giá kiến thức ngữ pháp của sinh viên ở cấp độ HSK4 (từ bài 1 đến bài 14)

**8.2. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, b3, c3, c4** Tỷ lệ 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
- Mô tả bài đánh giá 2: Đánh giá khả năng ứng dụng kiến thức ngữ pháp của sinh viên ở cấp độ HSK4 (từ bài 15 đến bài 29)

**8.3. Hoạt động đánh giá 3 – tỷ lệ chiếm 50% điểm học phần**

**Hình thức: Bài thi cuối kì kết thúc học phần**

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
- Mục đích:
  - o Đánh giá năng lực ghi nhớ từ vựng và cấu trúc ngữ pháp của người học
  - o Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và ngữ pháp đã học vào giao tiếp thông thường ở cấp độ HSK 4
  - o Đánh giá khả năng làm việc độc lập
- Bài thi cuối kì được tính theo thang điểm 10

Chuẩn đầu ra: a1; a2; b1; b2; b3; c1; c2; c3; c4

## 8.4. Ma trận đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a1: Vận dụng những kiến thức ngữ pháp được học: Câu bị động chữ 被, câu tồn hiện, câu chữ 把, bổ ngữ xu hướng phức, danh từ lặp lại, trợ từ kết cấu 着 .v..v.. Có kiến thức tiếng Trung Quốc đạt trình độ năng lực Hán ngữ (HSK) cấp 4 theo Khung năng lực tiếng Hán 6 bậc ở cả 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết.	Vận dụng tốt	Vận dụng khá tốt	Vận dụng ở mức trung bình	Vận dụng ở mức hạn chế	Vận dụng rất hạn chế
a2: Vận dụng kiến thức về ngữ pháp được học làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức chuyên ngành;	Vận dụng tốt	Vận dụng khá tốt	Vận dụng ở mức trung bình	Vận dụng ở mức hạn chế	Vận dụng rất hạn chế
b1: Sử dụng thành thạo cả bốn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết	Sử dụng tốt	Sử dụng khá tốt	Sử dụng ở mức trung	Sử dụng ở mức hạn	Sử dụng ở mức rất

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 4			bình	chế	hạn chế
b2: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b3: Biết sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b4: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c2: Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c3: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c4: Không ngừng học học trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá để bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.					

### 8.5 Cách tính kết quả học tập chung của học phần

Kết quả học tập chung của học phần được đánh giá theo công thức sau:

$$\Sigma = \frac{\text{ĐG1} \times 25 + \text{ĐG2} \times 25 + \text{ĐG3} \times 50}{100}$$

### 9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,...):

Phòng học với diện tích phù hợp, yên tĩnh, được trang bị đầy đủ thiết bị như:

- + bàn ghế, phấn bảng, đèn, quạt, điều hòa
- + projector
- + Loa, Đài cassette
- + Lớp học không quá 35 sinh viên

Yêu cầu đối với sinh viên:

- + Dự lớp : tối thiểu 70% thời lượng môn học.
- + Bài tập : Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- + Có đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập (bảng, đĩa).
- + Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học
- + Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia xây dựng bài
- + Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ
- + Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học

### 10. An toàn của sinh viên và giảng viên

Chú ý an toàn lớp học. An toàn PCCC và cứu hộ cứu nạn

### 11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng  
xây dựng CTĐT ngành**

*Hải Phòng, ngày ... tháng .... năm 2023*  
**Người biên soạn**

**TS. Trần Thị Ngọc Liên**

**Tổ Tiếng Trung**